

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày: 29-5-2019

V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Việt.

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2015/TLST–DS ngày 19 tháng 11 năm 2015 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hòa H, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền cho bà C: Ông Trần Văn K, sinh năm 1944. Địa chỉ: Tổ 11, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hòa H, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp Mỹ An 1, xã Mỹ Hòa H, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn K, sinh năm 1944. Địa chỉ: Tổ 11, ấp Mỹ Thuận, xã Mỹ Hòa H, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp Hòa Hưng, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu T, tỉnh An Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2014 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn K đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày:

Vào ngày 24/9a1/2008 bà Lê Thị Kim C có cho ông Nguyễn Tuấn K vay số tiền 4.770.000đ, do bà không biết chữ nên có nhờ ông Trần Văn K là hàng xóm của bà viết dùm biên nhận nợ cho ông K ký và ghi họ tên. Sau đó, ông K có trả cho bà C nhiều lần được 2.270.000đ và còn nợ lại 2.500.000đ cho đến nay. Mặc dù bà C nhiều lần yêu cầu ông K thanh toán nợ nhưng ông K không đồng ý trả nên bà C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 2.500.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Do ông Nguyễn Tuấn K không thừa nhận việc ông có ký và ghi họ tên vào tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9a1/2008 nên bà C có yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định chữ viết và chữ ký của ông K. Kết luận giám định ghi nhận chữ viết “*Nguyễn Tuấn K*” theo tờ hợp đồng và các chữ viết mẫu mà ông K cung cấp là một người viết ra, còn chữ ký thì không đủ cơ sở để kết luận có phải do cùng một người ký hay không. Đối với chi phí giám định này bà C tự nguyện chịu.

* Tại bản tự khai, cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Tuấn K trình bày:

Ông không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà C, ông không có vay mượn nợ của bà C. Thời điểm đó do vợ ông là bà Nguyễn Thị Thanh T có tham gia chơi hụi do bà C làm chủ nên ông có ký vào tờ chứng kiến việc vợ ông là người chơi hụi với bà C. Ông nhớ vào khoảng năm 2007 – 2008, có lần ông K gặp và nói là ông viết chữ đẹp nên có đưa cho ông một tờ giấy tập trắng kêu ông ký và viết họ tên vào tờ giấy đó. Ông khẳng định không có vay mượn nợ của bà C nên không có nghĩa vụ trả nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông K, trước đây bà có tham gia chơi hụi do bà C làm chủ. Sự việc hôm đó chồng bà có ký tên vào tờ chứng kiến việc bà là người chơi hụi với bà C. Ông K chồng bà không có vay mượn nợ của bà C nên không phải có nghĩa vụ thanh toán nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K trình bày:

Ông với bà C là hàng xóm, sự việc bà C cho K mượn tiền ông có biết, do bà C không biết chữ nên nhờ ông viết tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán nợ ngày 24/9a1/2008 và ông có để cho ông K ghi họ tên vào phần đầu và ký ghi họ tên vào cuối tờ hợp đồng. Đối với việc ông K trình bày là ông đưa

tờ giấy trắng rồi xin chữ ký và chữ viết của ông K là không đúng. Vì giữa ông với ông K không có qua lại gì với nhau ông không xin chữ ký, chữ viết của ông K để làm gì hết, ông K vay mượn tiền của bà C thì phải có nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Ông Trần Văn K là người đại diện theo ủy quyền cho bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn K phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 và không yêu cầu tính lãi. Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết thì bà C tự nguyện chịu.

* Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K không đồng ý trả nợ, vì ông không có mượn nợ nên không có nghĩa vụ trả. Tại phiên tòa hôm nay ông thừa nhận chữ viết “Nguyễn Tuấn K” ghi trong tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ở phần đầu và phần cuối biên nhận là do ông ghi, còn chữ ký là không phải của ông. Ông ghi họ tên như vậy là do ông K kêu ông ghi vào tờ giấy tập trắng và sau đó ông K mới ghi nội dung ông mượn nợ của bà C.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất với lời trình bày của ông K, ông K không có mượn tiền của bà C nên không có nghĩa vụ trả nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung tranh chấp:

Theo hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ÂL bà Lê Thị Kim C có cho ông Nguyễn Tuấn Kt mượn số tiền 4.770.000 đồng, hàng tháng ông K cam kết trả 500.000 đồng, kể từ ngày 24/9/2008 đến ngày 24/7/2009 thì dứt nợ. Sau khi nhận tiền, ông K đã trả nợ nhiều lần với số tiền 2.270.000 đồng. Đến nay ông K còn nợ lại 2.500.000 đồng. Ngày 28/02/2014 bà C có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên yêu cầu ông K trả cho bà 2.500.000 đồng.

Xét thấy: Tại kết luận giám định số 281/KLGD-PC54 ngày 19/08/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có kết luận:

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Tuấn K trên “hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ÂL” so với tài liệu mẫu so sánh có phải do dùng một người ký hay không.

Chữ viết ghi tên Nguyễn Tuấn K tại dòng 6 và dòng 22 trên hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ÂL (ký hiệu A1) so với

chữ viết của Nguyễn Tuấn K trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1-M17) do cùng một người viết ra.

Điều này cho thấy tuy chữ ký chưa đủ cơ sở xác định được có phải do ông K ký ra hay không. Do ông K không cung cấp được các chữ ký vào thời điểm 2008 để đáp ứng điều kiện giám định, nhưng về chữ viết đã xác định được đích thực là của ông Nguyễn Tuấn K đã viết ra, đồng thời trùng khớp với lời khai của ông K tại phiên tòa ngày ngày 17/4/2017 ông K cũng đã thừa nhận có ghi tên và ký vào một tờ giấy tập do ông K đưa. Mặc dù ông K không thừa nhận có thiếu nợ, cũng như chữ viết và chữ ký trong “Hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 AL là do ông viết và ký. Tuy nhiên, ngoài lời khai của ông K thì không còn chứng cứ nào khác chứng minh. Vì vậy, căn cứ vào hợp đồng cho mượn nợ và cam kết trả nợ ngày 24/9/2008AL do bà C cung cấp nên bà C khởi kiện ông K là có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Lê Thị Kim C với ông Nguyễn Tuấn K là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Lê Thị Kim C là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định Nguyễn Tuấn K là bị đơn, ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C có ủy quyền cho ông Trần Văn K tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền vào ngày 29/8/2016, việc ủy quyền này phù là hợp với Điều 562, Điều 569 Bộ luật dân sự 2015; Điều 85, Điều 89 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên được chấp nhận. Do đó tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn K là người trực tiếp tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và đã thực hiện xong giao dịch nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Tòa án áp dụng bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Vào ngày 24/9/2008, bà Lê Thị Kim C có cho ông Nguyễn Tuấn K mượn số tiền 4.770.000 đồng, hàng tháng ông K cam kết trả 500.000 đồng, kể từ ngày 24/9/2008 đến ngày 24/7/2009 thì dứt nợ, khi vay hai bên có làm hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ. Sau khi nhận tiền, ông K đã trả nợ nhiều lần với số tiền 2.270.000 đồng và còn nợ lại 2.500.000 đồng cho đến nay, do ông K không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận nên bà C khởi kiện yêu cầu ông K trả cho bà 2.500.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn ông Nguyễn Tuấn K không thừa nhận có vay tiền nên không đồng ý trả nợ.

Để chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Tuấn Kt. Kết luận giám định số 281/KLGD-PC54 ngày 19/08/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có kết luận:

Chữ viết ghi tên Nguyễn Tuấn K tại dòng 6 và dòng 22 trên hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ÁL (ký hiệu A1) so với chữ viết của Nguyễn Tuấn K trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1-M17) do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Tuấn K trên “hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ÁL” so với tài liệu mẫu so sánh có phải do dùng một người ký hay không.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn K ngay từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông đều không thừa nhận có mượn tiền của bà C và ông cũng không thừa nhận có ký và ghi họ tên vào tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008. Nhưng khi có kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang thì ông thừa nhận chữ chữ viết “Nguyễn Tuấn K” ghi trong tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 ở phần đầu và phần cuối biên nhận là do ông ghi và không thừa nhận chữ ký là của ông. Tuy không xác định là chữ ký có phải do ông K ký hay không nhưng với việc ông K thừa nhận có ghi họ tên vào tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 là trùng khớp với lời khai của ông K trước khi có kết luận giám định và phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định việc vay mượn giữa giữa nguyên đơn và bị đơn theo tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 là thực tế có xảy ra. Giấy nhận nợ bằng văn bản ghi rõ họ tên người cho vay là Lê Thị Kim C, người vay là Nguyễn Tuấn K, số tiền vay thời hạn thanh toán là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn. Do đó bà C căn cứ vào tờ hợp đồng cho mượn tiền và cam kết

thanh toán trả nợ ngày 24/9/2008 để khởi kiện yêu cầu ông K trả cho bà số tiền còn nợ 2.500.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C được Tòa án chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn K phải có trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí giám định:

Nguyên đơn tự nguyện chịu 1.050.000đ (một triệu không trăm năm chục nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn. Nguyên đơn đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn K.

Buộc ông Nguyễn Tuấn K có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim C số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007488 ngày 18/11/2015 và biên lai thu số 007537 ngày 03/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về chi phí giám định: Bà Lê Thị Kim C tự nguyện chịu 1.050.000đ (một triệu không trăm năm chục nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn. Chi phí này nguyên đơn đã thực hiện xong.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền